

KẾ HOẠCH

tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới

**Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX,
nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

I. YÊU CẦU

1. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp phải được các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định, nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy các cấp; bảo đảm an toàn, thiết thực, hiệu quả, không phô trương hình thức, kiên quyết chống lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân đối với Đảng.

2. Nâng cao chất lượng văn kiện đại hội đảng bộ các cấp gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Trung ương Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong toàn hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo tổ chức thảo luận thật kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng lớn nêu tại dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và đại hội đảng bộ cấp trên; dự báo được tình hình, xác định rõ thế mạnh, định hướng, trọng tâm phát triển gắn với chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị hành chính mới được thành lập, của khu vực, của tỉnh và cả nước; văn kiện đại hội phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm và dễ kiểm tra. Báo cáo chính trị phải đánh giá trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là các nhiệm vụ

trọng tâm, đột phá công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đồng thời, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới sát với tình hình, bối cảnh, yêu cầu mới và có tính khoa học, khả thi cao.

3. Công tác nhân sự phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, cấp uỷ các cấp và đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu theo quy định. Bảo đảm sự kế thừa, đổi mới và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; đề cao, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, tăng cường ở các vị trí, địa bàn, lĩnh vực quan trọng, trọng yếu. Cấp uỷ khoá mới phải tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, trí tuệ, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực, uy tín; thật sự là trung tâm đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tầm nhìn, tư duy, đổi mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân; có năng lực lãnh đạo, cầm quyền, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới để thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

4. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử hoặc chỉ định phải thực hiện nghiêm, đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, chặt chẽ, dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, minh bạch, trách nhiệm giải trình; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; làm thận trọng từng bước, "làm đến đâu chắc đến đó"; gắn kết chặt chẽ với công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) nhiệm kỳ tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chú trọng phát hiện, lựa chọn, giới thiệu những cán bộ tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, đã kinh qua thực tiễn, có thành tích, kết quả, sản phẩm công tác và quan tâm cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ. Đánh giá cán bộ phải toàn diện, khách quan, thực chất, đúng quy định, đúng thẩm quyền; lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, hiệu quả công tác và uy tín của cán bộ làm thước đo, tiêu chí cơ bản để đánh giá. Phải kế thừa, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác thẩm định nhân sự trên cơ sở mở rộng, phát huy tối đa trách nhiệm của các cơ quan chức năng; chủ động rà soát, thẩm tra, thẩm định chặt chẽ, kỷ lưỡng tiêu chuẩn, điều kiện, kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán hoặc vụ án, vụ việc của các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố

cáo,... Không sử dụng thông tin giả, thông tin không phải của cơ quan có thẩm quyền, thông tin không chính thức trên Internet, mạng xã hội, thông tin, dư luận xấu chưa được kiểm chứng liên quan đến nhân sự và công tác chuẩn bị nhân sự.

5. Có cơ chế, tiêu chí sàng lọc hiệu quả để không bỏ "sót" những người thật sự có đức, có tài; đồng thời, kiên quyết không để "lọt" vào cấp uỷ khoá mới những người: Bản lĩnh chính trị không vững vàng, dao động, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng; phẩm chất, đạo đức, năng lực, uy tín giảm sút, ý thức tổ chức kỷ luật kém, mất đoàn kết; né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, tư duy nhiệm kỳ, xu nịnh, chạy chọt, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu, cục bộ, "lợi ích nhóm", có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá",...; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vi phạm tiêu chuẩn chính trị, những điều đảng viên không được làm và quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều tài sản mà không giải trình rõ được nguồn gốc; vi phạm trách nhiệm nêu gương, để bản thân hoặc vợ (chồng), con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức, quyền để thu lợi bất chính; để nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng hoặc xảy ra tham nhũng, thất thoát lớn, vụ việc tiêu cực gây ảnh hưởng xấu ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong thời gian phụ trách. Nhân sự không trúng cử cấp uỷ cấp dưới, thì không giới thiệu để bầu cấp uỷ cấp trên.

6. Đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải là những đồng chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng cách mạng, tiêu biểu về phẩm chất đạo đức, lối sống và năng lực công tác, đại diện cho trí tuệ của đảng bộ để tham gia, đóng góp vào các nội dung của đại hội.

7. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải thường xuyên làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nhất là công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy "cái đẹp" dẹp "cái xấu"; coi trọng, tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước. Tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà dư luận, cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm. Chủ động, tích cực, có biện pháp đấu tranh hiệu quả đối với những âm mưu, thủ đoạn chống phá, gây rối nội bộ của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị, bất mãn để bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ chế độ.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau:

(1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

(3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(4) Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Những nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội với 3 nội dung, chưa tiến hành bầu cấp ủy khóa mới.

Những đảng bộ xã, phường trực thuộc cấp tỉnh (*gồm cả các xã không sáp nhập, các xã thuộc diện hợp nhất, sáp nhập đã tổ chức đại hội*); đảng bộ (*chi bộ*) hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới theo chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, thì đại hội với 2 nội dung (*tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên cơ sở nội dung nghị quyết đại hội của các đảng bộ, chi bộ trước khi hợp nhất, sáp nhập; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030 và thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, dự thảo văn kiện đại hội cấp trên trực tiếp*), không bầu cấp ủy khóa mới và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên. Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ khóa mới và phân bổ số lượng, chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đối với các đảng bộ cấp xã không hợp nhất, sáp nhập nếu đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì: (i) Tổ chức hội nghị ban chấp hành để thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp theo quy định; (ii) Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng theo Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và nhân sự đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, bảo đảm theo đúng quy định.

2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

2.1. Dự thảo văn kiện của cấp uỷ trình đại hội gồm 2 báo cáo chủ yếu

(1) Báo cáo chính trị của đảng bộ là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm cho phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của cấp trên, dự báo được tình hình để đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

(2) Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện

- Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp uỷ chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

Các xã, phường, thị trấn nơi được xác định là trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp phối hợp với các xã, phường, thị trấn đã được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương sáp nhập lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng chủ trì, phối hợp với các cấp uỷ, tổ chức đảng tương ứng dự kiến hợp nhất, sáp nhập thực hiện việc dự thảo nội dung các văn kiện trình đại hội đảng bộ của đơn vị (nội dung bao quát toàn bộ địa bàn cấp xã sau hợp

nhất, sáp nhập, thành lập mới) để phục vụ việc tổ chức thảo luận tại đại hội cấp mình và xây dựng văn kiện của cấp ủy cấp trên¹.

Ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy trước ngày 01/7/2025 lãnh đạo, chỉ đạo UBND cùng cấp, ngành thống kê cùng cấp phối hợp với xã, phường tính toán số liệu cho các xã, phường dự kiến thành lập mới và bước đầu chuẩn bị cho báo cáo chính trị.

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê tỉnh phối hợp tính toán số liệu cho các xã, phường mới theo tinh thần trên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ ban hành kế hoạch và hướng dẫn cụ thể việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào văn kiện Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh; công bố dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội XX Đảng bộ tỉnh trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa, Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy Thanh Hóa... để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

- Đại hội các cấp phải dành thời gian thoả đáng, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu; trong thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

3. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

3.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp uỷ khoá mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017, Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khoá XII; Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị; Quyết định số 3132-QĐ/TU ngày 02/8/2019, Quyết định số 368-QĐ/TU ngày 25/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tiêu chuẩn cấp ủy viên cấp xã trực thuộc Tỉnh ủy cơ bản áp dụng như đối với tiêu chuẩn của cấp ủy viên cấp huyện hiện nay. Cấp ủy các cấp căn cứ vào tiêu chuẩn chung nêu tại *Phụ lục 01* kèm theo Kế hoạch này để cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, yêu cầu ở cấp mình.

3.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)

¹ Nội dung Công văn số 8413-CV/BTCTW ngày 26/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương.

(1) Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 (là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp):

- Đối với cấp cơ sở: Tháng 4/2025;
- Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Tháng 6/2025;
- Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc cấp tỉnh: Tháng 7/2025;
- Đối với cấp tỉnh: Tháng 9/2025.

(2) Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 3/2026.

(3) Thời điểm tính độ tuổi tham gia các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

3.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)

(1) Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

(2) Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 48 tháng trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp được cụ thể hóa tại *Phụ lục 02* kèm theo Kế hoạch này.

(3) Nhân sự tái cử cấp ủy, thì được tái cử chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 36 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức. Cụ thể như sau:

- Cán bộ cấp xã tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền: Nam sinh từ tháng 7/1967 trở lại đây; nữ sinh từ tháng 7/1971 trở lại đây.

- Cán bộ cấp tỉnh tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền: Nam sinh từ tháng 9/1967 trở lại đây; nữ sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây.

3.4. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

a) Cơ cấu cấp ủy

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp uỷ đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp uỷ; quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu "cứng" tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp uỷ quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hoà giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp uỷ nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp uỷ hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư (*phó bí thư*) cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân ở cấp xã.

- Phân đấu cơ bản hoàn thành việc bố trí bí thư cấp uỷ cấp xã và chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã không là người địa phương gắn với việc sử dụng, bố trí hài hoà nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch; khuyến khích thực hiện các chức danh khác.

- Phân đấu đạt tỉ lệ cấp uỷ viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp xã. Phân đấu tỉ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã*) từ 10% trở lên (*tính cho cả nhiệm kỳ*); phân đấu tỉ lệ cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5%; tỉ lệ cấp uỷ viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cấp uỷ và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bố trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp uỷ khoá mới theo quy định.

- Phân đấu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp uỷ viên trong mỗi nhiệm kỳ (*không thực hiện đối với đảng bộ hợp nhất, sáp nhập*). Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp uỷ các cấp như sau: Đối với cấp tỉnh, cấp xã và tương đương, phân đấu đạt tỷ lệ cán bộ trẻ dưới 42 tuổi từ 10% trở lên; từ 42 đến 52 tuổi khoảng 40%-50%, còn lại trên 52 tuổi. Phân đấu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong ban thường vụ, thường trực cấp uỷ.

- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp uỷ theo Kế hoạch này, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.

b) Số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ và phó bí thư cấp uỷ

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị, số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ và phó bí thư cấp uỷ các cấp thực hiện như quy định tại *Phụ lục 03* kèm theo Kế hoạch này.

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp uỷ viên; cấp uỷ khoá mới quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, phó bí thư cấp uỷ trên cơ sở quy định của cấp uỷ có thẩm quyền.

3.5. Quy trình nhân sự cấp uỷ

Quy trình nhân sự, gồm: (1) Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử cấp uỷ, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ. (2) Quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp uỷ, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ. (3) Quy trình chỉ định nhân sự từ nguồn tại chỗ đối với các đảng bộ sau hợp nhất, sáp nhập (*cụ thể tại Phụ lục 04 kèm theo Kế hoạch này*).

3.6. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp uỷ tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (*không thực hiện đối với các đảng bộ trong Quân đội, Công an*) ở những nơi có đủ điều kiện (*nội bộ đoàn kết, thống nhất; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đồng ý*).

- Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp uỷ, thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự bí thư cấp uỷ trong số các đồng chí vừa trúng cử vào cấp uỷ khoá mới. Trường hợp đại hội giới thiệu nhân sự khác với phương án nhân sự đã được cấp uỷ có thẩm quyền phê duyệt, thì không tiến hành bầu cử và phải báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cấp trên cho ý kiến chỉ đạo.

4. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

4.1. Về cơ cấu, số lượng đại biểu

Cơ bản giữ ổn định số lượng, cơ cấu đại biểu ở khối địa phương và bảo đảm có từ 1 đến 2 đại biểu ở ngành, lĩnh vực quan trọng (*không tính đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận tại đại hội.

Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định phân bổ đại biểu dự đại hội với số lượng cụ thể như sau:

(1) Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XX là không quá 500 đại biểu.

(2) Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 300 đại biểu.

(3) Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy sau khi hợp nhất, sáp nhập thì số lượng đại biểu đại hội không quá 250.

(4) Đại hội đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên; có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu (số lượng đại biểu tối thiểu 120, tối đa 150).

Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

4.2. Việc bầu hoặc chỉ định đại biểu dự đại hội cấp trên

- Việc bầu hoặc chỉ định đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

- Cấp ủy triệu tập đại hội căn cứ vào số lượng tổ chức đảng trực thuộc, số lượng đảng viên và vị trí quan trọng của từng tổ chức đảng trực thuộc để phân bổ đại biểu tham dự đại hội, đồng thời chỉ định hoặc có thông báo số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu cụ thể để đại hội cấp dưới trực tiếp bầu đoàn đại biểu.

- Đại hội đảng bộ các cấp được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội quyết định.

5. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

- *Đại hội cấp cơ sở*: Thời gian đại hội không quá 02 ngày, hoàn thành trước ngày 30/6/2025.

- *Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đảng bộ xã, phường*: không quá 02 ngày, hoàn thành trước ngày 31/8/2025. Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội và không quá 1/2 ngày.

- *Đại hội Đảng bộ tỉnh*: Thời gian đại hội không quá 04 ngày, hoàn thành trước ngày 31/10/2025. Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội và không quá 1/2 ngày.

* Việc kiện toàn, bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 thực hiện theo Kết luận số 128-KL/TW ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ.

6. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội

(1) Thực hiện việc phân công cấp uỷ viên khoá mới ngay sau đại hội hoặc sau khi được chỉ định theo phương án nhân sự đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn.

(2) Quan tâm, điều động, phân công, bố trí công tác đối với các đồng chí cấp uỷ viên cấp huyện đảm nhận các chức danh lãnh đạo ở cấp xã sau khi thực hiện việc không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện.

(3) Không xem xét, phân công, bố trí, giới thiệu giữ chức vụ cao hơn, có vị trí quan trọng hơn đối với cán bộ đã bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 hoặc có vi phạm, khuyết điểm theo kết luận của cấp có thẩm quyền hoặc có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà các cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra².

(4) Chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử. Đối với cán bộ đủ tuổi tái cử mà có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì cho nghỉ hưu và giải quyết chế độ, chính sách theo Kết luận số 75-KL/TW ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị và các quy định liên quan.

(5) Cán bộ ở cấp xã sau khi tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã không tái cử do không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện hoặc không thể phân công, bố trí công tác khác, thì thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

(6) Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo (cấp tỉnh, cấp xã) có cơ cấu cấp uỷ nhưng không tham gia cấp uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030, thực hiện như sau:

- Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp uỷ, thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp gần nhất của hội đồng nhân dân sau đại hội.

- Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân; trưởng, phó đoàn đại biểu Quốc hội, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội thì để cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

² Nội dung quy định của Bộ Chính trị (tại Mục 1, Kết luận số 150-KL/TW, ngày 14/4/2025).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu các cấp uỷ đảng nghiêm túc quán triệt Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Trung ương; Kế hoạch của Tỉnh uỷ; đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện ở cấp mình theo đúng yêu cầu, nội dung Chỉ thị, Kế hoạch đề ra. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025.

2. Các cấp uỷ thành lập, kiện toàn các tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công uỷ viên thường vụ, cấp uỷ viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự cấp uỷ khoá mới, khi được ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội; đăng ký thời gian tổ chức đại hội đảng cấp mình qua văn phòng cấp uỷ cấp trên trực tiếp. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thông qua văn kiện, đề án nhân sự cấp uỷ và phân công Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ dự và chỉ đạo đại hội các đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ.

3. Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua sôi nổi, sâu rộng ở các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

4. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hướng dẫn một số nội dung của Kế hoạch này; nguyên tắc và cách thức phân bổ, chỉ định đại biểu dự đại hội cấp trên; công tác bầu cử; quy chế làm việc của đại hội và các văn bản khác có liên quan để tổ chức đại hội. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả đại hội các cấp.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo công tác thông tin, báo chí; công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước, trong và sau đại hội đảng bộ các cấp;

phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội) tổ chức các phong trào thi đua yêu nước phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ chào mừng đại hội đảng các cấp.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục tổ chức đại hội các cấp. Hướng dẫn Đề cương báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu; chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp; hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát phục vụ đại hội đảng bộ các cấp. Kịp thời xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đại biểu dự đại hội và người được giới thiệu bầu vào cấp ủy khóa mới theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

7. Ban Nội chính Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan nội chính tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

8. Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện chỉ đạo của Tiểu ban Nội dung tham mưu xây dựng đề cương, chủ trì biên tập, tiếp thu ý kiến góp ý, bổ sung để hoàn chỉnh báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các văn kiện khác trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Trung ương Đảng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong toàn hệ thống chính trị.

Hướng dẫn cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng đề cương báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành đảng bộ, báo cáo góp ý văn kiện của cấp trên; đôn đốc các cơ quan chức năng, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội; chuẩn bị kinh phí, các điều kiện cần thiết phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh và các đảng bộ trực thuộc.

9. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội tại các đảng bộ được phân công phụ trách.

10. Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; báo cáo cấp ủy cấp trên chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy; tiến hành kiện toàn ngay các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026, đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, nhân sự lãnh

đạo Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) theo quy định. Xây dựng quy chế làm việc, chương trình hành động, chương trình công tác toàn khóa, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, phân công công tác đối với cấp ủy viên và thực hiện chế độ, chính sách đối với các đồng chí không tái cử theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các tiểu ban chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; cấp ủy xã, phường, đảng ủy trực thuộc căn cứ Kế hoạch này và Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ động xây dựng kế hoạch của cấp mình đảm bảo tiến độ thời gian, nội dung, yêu cầu, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, căn cứ hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, ủy quyền cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 226-KH/TU, ngày 27/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kết luận số 3503-KL/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 226-KH/TU, ngày 27/8/2024 và phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (b/c),
- UBKT, các Ban, VPTW Đảng (b/c),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Nguyễn Doãn Anh



PHỤ LỤC 01

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 270- KH/TU, ngày 13/5/2025 của Tỉnh ủy)

1. Tiêu chuẩn chung nêu tại Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị:

(1) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

(2) Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm",... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

(3) Có năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và "sản phẩm" cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao.

(4) Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp. Đối với cơ cấu cấp ủy thuộc thôn, bản, tổ dân phố thì không bắt buộc theo tiêu chuẩn ở mục này.

(5) Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức vụ (cao hơn) lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

(6) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

(1) *Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp tỉnh (Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội):* Thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

(2) *Tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tương đương:* Thực hiện theo Quyết định số 3132-QĐ/TU ngày 02/8/2019, Quyết định số 368-QĐ/TU ngày 25/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

(3) *Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, các chức danh lãnh đạo chủ chốt (bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND) cấp xã và tương đương:* Thực hiện theo Quy định số 4030-QĐ/TU, ngày 13/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trường hợp, địa phương, đơn vị còn khó khăn về công tác nhân sự, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể./.



PHỤ LỤC 02

ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 270- KH/TU, ngày 13/5/2025 của Tỉnh ủy)

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp uỷ

1.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây.

1.2. Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây.

1.3. Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 7/1968, nữ sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây.

Đối với trưởng công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

1.4. Đối với cấp cơ sở: Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp uỷ

2.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1967, nữ sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây.

2.2. Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1967, nữ sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây.

2.3. Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 7/1967, nữ sinh từ tháng 7/1971 trở lại đây.

Trưởng công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 48 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

2.4. Đối với cấp cơ sở: Nam sinh từ tháng 4/1967, nữ sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây.

2.5. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp uỷ căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2024). Các đồng chí tham gia cấp uỷ địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp uỷ các cấp theo Kế hoạch này.

Các đồng chí tham gia cấp uỷ trong công an tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 48 tháng; trong quân đội, tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 30 tháng; trường hợp đặc biệt đối với công an còn tuổi công tác từ 30 tháng trở lên đến dưới 48 tháng, đối với quân đội còn tuổi công tác từ 12 tháng trở lên đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định.

2.6. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp

Các đồng chí bí thư là thủ trưởng, phó bí thư đảng uỷ chuyên trách trong đảng bộ của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp; bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), tổng giám đốc, phó bí thư chuyên trách công tác đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại nhà nước còn tuổi công tác từ 1 năm (*12 tháng*) trở lên.

2.7. Đối với đảng bộ, chi bộ cơ sở loại hình khác (đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ...)

Căn cứ đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ xác định tuổi tái cử tham gia cấp uỷ đối với đảng viên của tổ chức đảng tại đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tiễn./.



PHỤ LỤC 03

**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ,
PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 270- KH/TU, ngày 13/5/2025 của Tỉnh ủy)

I. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1.1. Số lượng

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030: 69 đồng chí.

1.2. Định hướng cơ cấu

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX cần có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực công tác: Công tác đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, một số tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang và các vị trí trọng yếu của tỉnh theo định hướng sau:

- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.
- Ủy ban Kiểm tra, các ban và Văn phòng Tỉnh ủy.
- Mặt trận Tổ quốc, một số tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; các sở, ban, ngành có vị trí quan trọng cần cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- Các xã, phường có vị trí quan trọng là trung tâm chính trị, kinh tế của vùng (tương ứng với trung tâm đơn vị hành chính cấp huyện cũ); là đơn vị hành chính có khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; là đơn vị hành chính địa bàn khó khăn, biên giới cần cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và một số đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

2.1. Số lượng

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị³, số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030: 17 đồng chí.

³ Phần I, Phụ lục 3, Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị: Số lượng ban thường vụ thực hiện như nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2.2. Định hướng cơ cấu

Bí thư (chủ tịch HĐND hoặc Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh); phó bí thư Thường trực (chủ tịch HĐND hoặc Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh); phó bí thư Tỉnh ủy (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh); Chủ tịch Ủy ban nhân dân; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, 02 Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy; 01 Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh; giám đốc sở, ngành có vị trí quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; người đứng đầu một số đảng bộ xã, phường có vị trí quan trọng, quy mô kinh tế, hạ tầng giao thông đô thị phát triển, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, địa bàn miền núi, vùng khó khăn.

3. Phó Bí thư Tỉnh ủy

Số lượng Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030: 03 đồng chí⁴.

II. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Đối với đảng bộ xã, phường trực thuộc cấp tỉnh

1.1. Ban chấp hành

a) Số lượng:

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, số lượng ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

- Đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 02 xã (phường) hoặc đảng bộ xã không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập, thì số lượng tối đa không quá 27.

- Đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 03 xã (phường) trở lên, thì số lượng tối đa không quá 33.

b) Định hướng cơ cấu:

Ban chấp hành đảng bộ xã, phường cần có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực công tác: Công tác đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, một số tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang và các vị trí trọng yếu theo định hướng sau:

⁴ Kết luận số 102-KL/TW ngày 30/11/2024 của Bộ Chính trị.

- Bí thư, phó bí thư; thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường.
- Ủy ban kiểm tra, ban xây dựng Đảng và văn phòng cấp ủy.
- Mặt trận Tổ quốc, một số tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.
- Công an, quân sự xã, phường; các phòng, ban, ngành có vị trí quan trọng cần cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ để đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy.
- Các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc có vị trí quan trọng cần cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

1.2. Ban thường vụ

a) Số lượng:

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, số lượng ủy viên thường vụ từ 09 đến 11 đồng chí.

- Cấp xã có số lượng ủy viên ban chấp hành 27 đồng chí, thì số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 9 đồng chí⁵.

- Cấp xã có số lượng ủy viên ban chấp hành 33 đồng chí, thì số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 11 đồng chí.

b) Định hướng cơ cấu, gồm:

- Cấp xã có số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 9 đồng chí: (1) Bí thư (chủ tịch HĐND), (2) phó bí thư thường trực (chủ tịch HĐND); (3) phó bí thư, chủ tịch UBND; (4) 01 phó chủ tịch HĐND hoặc 01 phó chủ tịch UBND; (5) chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, (6) trưởng ban xây dựng Đảng; (7) chỉ huy trưởng quân sự, (8) trưởng công an; (9) chủ tịch Mặt trận Tổ quốc.

- Cấp xã có số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 11 đồng chí: (1) Bí thư (chủ tịch HĐND), (2) phó bí thư thường trực (chủ tịch HĐND); (3) phó bí thư, chủ tịch UBND; (4) phó chủ tịch HĐND, (5) 01 phó chủ tịch UBND; (6) chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, (7) trưởng ban xây dựng Đảng; (8) chỉ huy trưởng quân sự, (9) trưởng công an; (10) chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, (11) chánh văn phòng đảng ủy hoặc người đứng đầu 01 đảng bộ, chi bộ cơ sở.

1.3. Phó bí thư: 02 (01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư - chủ tịch UBND).

⁵ Theo Điểm 14.2, Quy định số 232-QĐ/TW ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Quy định thi hành Điều lệ Đảng: "Số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy mỗi cấp không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên".

2. Đối với Đảng bộ các cơ quan Đảng và Đảng bộ UBND tỉnh

2.1. Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh

a) Ban chấp hành: không quá 27.

b) Ban thường vụ: không quá 09.

Định hướng cơ cấu như sau: Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy là Bí thư Đảng ủy; 01 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; 01 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách; 01 đồng chí trong Thường trực HĐND tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; lựa chọn 04 trong 05 lãnh đạo cấp phó của các cơ quan, đơn vị: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Mặt trận Tổ quốc (trong đó cơ quan, đơn vị mà có đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức Phó Bí thư Thường trực, thì không giới thiệu nhân sự tham gia Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy).

c) Phó bí thư: Có 01 Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy và 01 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách.

2.2. Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban chấp hành: không quá 27.

b) Ban thường vụ: không quá 09.

Định hướng cơ cấu như sau: Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh là Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; các phó chủ tịch UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; 1-2 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách (trong đó có thể cơ cấu 1 đồng chí tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định); cơ cấu còn lại do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

c) Phó bí thư: 01 Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy và 01 - 02 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách.

*** Lưu ý:** Sau khi phân công, kiện toàn nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ UBND tỉnh.

3. Đối với Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh

Thực hiện theo Hướng dẫn Trung ương.

III. ĐẢNG BỘ CẤP CƠ SỞ

1. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ UBND tỉnh

- Ban chấp hành không quá 15 đồng chí.
- Ban thường vụ không quá 05 đồng chí.
- Phó bí thư 01 đồng chí.

Đối với những đảng bộ cơ sở có dưới 30 đảng viên, số lượng cấp ủy viên từ 05 đến 07 đồng chí; phó bí thư 01 đồng chí. Đối với đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước có phạm vi hoạt động rộng, nhiều đầu mối trực thuộc, đông đảng viên, thì số lượng cấp ủy không quá 19 đồng chí, ủy viên ban thường vụ không quá 05 đồng chí.

Cơ cấu: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị; bí thư chi bộ trực thuộc; một số người đứng đầu các cơ quan, tổ chức thuộc và trực thuộc đơn vị có vị trí quan trọng cần tập trung lãnh đạo.

*** Chi bộ cơ sở**

- + Chi bộ dưới 09 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu một phó bí thư.
- + Chi bộ từ 09 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy (tối đa được bầu không quá 07 chi ủy viên), bầu bí thư, một phó bí thư.

2. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở thuộc loại hình khác

(1) Đảng bộ cơ sở

Số lượng cấp ủy viên từ 09 đến 15 đồng chí; ủy viên ban thường vụ không quá 05 đồng chí; phó bí thư 01 đồng chí. Đối với những đảng bộ cơ sở có dưới 30 đảng viên, số lượng cấp ủy viên từ 05 đến 07 đồng chí; phó bí thư 01 đồng chí. Đối với đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước có phạm vi hoạt động rộng, nhiều đầu mối trực thuộc, đông đảng viên, thì số lượng cấp ủy không quá 19 đồng chí, ủy viên ban thường vụ không quá 05 đồng chí.

Cơ cấu: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị; bí thư chi bộ trực thuộc; một số người đứng đầu các cơ quan, tổ chức thuộc và trực thuộc đơn vị có vị trí quan trọng cần tập trung lãnh đạo.

(2) Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và chi bộ cơ sở

- Chi bộ dưới 09 đảng viên chính thức bầu bí thư, nếu cần bầu một phó bí thư.

- Chi bộ từ 09 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy (tối đa được bầu không quá 07 chi ủy viên), bầu bí thư, một phó bí thư.

IV. ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

1. Đối với những đảng bộ thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập (*gồm cả đảng bộ Công an*) theo quy định thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu tại Kế hoạch này nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (*không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác*) và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng bố trí theo đúng Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 và Kế hoạch này.

2. Đối với những đảng bộ cấp xã hợp nhất, sáp nhập, thì thực hiện theo quy định nêu tại các mục tương ứng ở Phần II nêu trên./.

PHỤ LỤC 04
TRÌNH TỰ QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 270- KH/TU, ngày 13/5/2025 của Tỉnh ủy)

A. QUY TRÌNH NHÂN SỰ (các hội nghị thực hiện quy trình nhân sự chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt tham dự).

I. CẤP TỈNH

1. Quy trình nhân sự tái cử

(1) *Bước 1:* Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp uỷ khoá mới được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua và danh sách các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đương nhiệm; Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, thông qua danh sách các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy; lãnh đạo HĐND, UBND; Trưởng, phó Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

(2) *Bước 2:* Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2. Quy trình nhân sự lần đầu tham gia cấp uỷ

(1) *Bước 1:* Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 1)

Căn cứ đề án nhân sự cấp uỷ khoá mới được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh cán bộ chủ chốt của tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031; Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được lựa chọn, giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định trong danh sách nhân sự đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 30% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 30%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 2*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 2.

(2) Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị.

Thành phần: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 25% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 25%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 3*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3.

(3) Bước 3: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (lần 1)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 20% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 20%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 4). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 4.

(4) Bước 4: Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 2)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 15% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 15%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 5). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5.

(5) Bước 5: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (lần 2)

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 4.

- Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (số lượng được giới thiệu tính theo số dư từ 10 đến 15%). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy giới thiệu.

II. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH NHÂN SỰ TỪ NGUỒN TẠI CHỖ ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG BỘ CẤP XÃ TRỰC THUỘC TỈNH SAU KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, THÀNH LẬP MỚI

(1) Bước 1: Xây dựng và thông qua đề án nhân sự cấp ủy khóa mới

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng nêu tại Kế hoạch này, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đảng bộ sáp nhập nhiệm kỳ 2025 - 2030 và tình hình đội ngũ cán bộ; ban thường vụ cấp ủy cấp xã (sau khi hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới) chỉ đạo xây dựng đề án nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030⁶ (sau đây gọi là đề án nhân sự cấp ủy) báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, thông qua trước khi trình ban chấp hành đảng bộ xã, phường thảo luận, biểu quyết thông qua theo quy định.

(2) Bước 2: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy cấp xã

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khoá mới được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua và danh sách nguồn nhân sự; ban thường vụ cấp ủy cấp xã trực thuộc Tỉnh ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

(3) Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ xã, phường

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

III. CẤP CƠ SỞ

Căn cứ trình tự, quy trình nhân sự cấp ủy ở Mục I và Mục II của Phụ lục này, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở có trách nhiệm quy định, hướng dẫn cụ thể để các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện.

B. DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình.

⁶ Đối với nhiệm kỳ hiện tại (nhiệm kỳ 2020 - 2025), thực hiện theo Quy định số 4030-QĐ/TU, ngày 13/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu (*kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước*).
 3. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) do cá nhân tự khai (đánh máy) và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4 x 6, chụp trong thời gian không quá 6 tháng.
 4. Bản kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng uỷ cơ quan nơi cán bộ công tác.
 5. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (*nếu có*). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
 6. Nhận xét của chi uỷ nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
 7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
 8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (*có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định*).
 9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (*có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền*).
 10. Kết luận tình trạng sức khoẻ của cơ sở y tế có thẩm quyền.
- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở chịu trách nhiệm chính trước Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

*** Lưu ý:**

- Các tài liệu nêu tại Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- Đề án, hồ sơ nhân cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 gửi về Ban Tổ chức Tỉnh uỷ. Ngoài hồ sơ nhân sự bản giấy; đề nghị gửi bản “mềm” danh sách trích ngang nhân sự cấp uỷ, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ; Phương án kiện toàn nhân sự lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 ngay sau khi kết thúc đại hội; dự kiến nhân sự lãnh đạo HĐND, UBND nhiệm kỳ 2026 - 2031, các biểu mẫu có liên quan (giao Ban Tổ chức Tỉnh uỷ hướng dẫn thống nhất) được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ (USB) bảo mật theo quy định./.